

Số: /2025/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 về quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 02-TB/ĐU ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về một số nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về cơ chế quản lý, phân cấp, phân công cho các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc quản lý, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng

Các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia không phải quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm d, khoản 6, Điều 19 Luật Đầu tư công 2024. Việc phân cấp, phân công quản lý đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia như sau:

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư dự án

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư: Các dự án đầu tư

giao cho các sở, ngành và các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của tỉnh làm chủ đầu tư (*hoặc giao chuẩn bị dự án*).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định đầu tư: Các dự án đầu tư giao cho các phòng, đơn vị thuộc xã, phường; các dự án áp dụng cơ chế đặc thù theo quy định tại Điều 14 Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, các dự án khác được giao làm chủ đầu tư.

2. Thẩm định dự án đầu tư

a) Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ.

b) Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định đầu tư giao cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường chủ trì thẩm định.

c) Đối với các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2020 và Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ.

3. Thẩm định dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15.

4. Quyết toán công trình hoàn thành: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/7/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Thực hiện chế độ báo cáo

1. Cơ quan chủ trì chương trình có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ (*hàng quý, hàng năm*) hoặc đột xuất (*khi cần thiết*), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các bộ, ngành trung ương theo quy định, đồng thời gửi Sở Tài chính để theo dõi.

2. Cơ quan chủ trì dự án thành phần, chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị liên quan có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ các Chương trình mục tiêu quốc gia và việc sử dụng kinh phí theo định kỳ (*hàng quý, hàng năm*) hoặc đột xuất (*khi cần thiết*), gửi về cơ quan chủ trì chương trình, Sở Tài chính.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực IX có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo chi tiết tình hình giải ngân vốn các Chương trình, dự án hằng tháng về Sở Tài chính và cơ quan chủ trì chương trình để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tài chính, cơ quan chủ quản chương trình và các cơ quan chủ dự án thành phần ở trung ương theo quy định.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Hướng dẫn, triển khai các hoạt động của Chương trình cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện Chương trình.”

Điều 5. Bãi bỏ Điều 7. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Trách nhiệm của Sở Tài Chính

1. Tổng hợp chung và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh khó khăn, vướng mắc trong quản lý đầu tư để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, cơ chế thanh toán, quyết toán nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Chương trình (cấp phát, giải ngân, quyết toán kinh phí các nguồn vốn, quyết toán công trình) theo định kỳ hoặc đột xuất theo quy định.

4. Là cơ quan đầu mối kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định này.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 9 như sau:

“1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chủ trì chương trình, cơ quan chủ trì dự án thành phần, Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn thực hiện các nội dung có liên quan thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo chức năng, nhiệm vụ.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham gia phối hợp, tuyên truyền, vận động, giám sát thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.”

Điều 8. Bãi bỏ Điều 10. Trách nhiệm của UBND huyện, thành phố

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường

1. Có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ các hoạt động, dự án trên địa bàn xã, phường và các quy định hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm hiệu quả đầu tư, tiến độ thực hiện chương trình, dự án

thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn theo kế hoạch; chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

3. Tổ chức quản lý, sử dụng kinh phí giao cho đơn vị thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo quy định.

4. Tổ chức huy động, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn vốn huy động khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo đúng quy định.

5. Tuyên truyền, vận động sự tham gia cộng đồng dân cư trong quá trình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch.”

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 9 năm 2025.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Quốc gia các CTMTQG;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Thành viên BCD các Chương trình MTQG tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, VX2.

} (báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Văn Lương